

- | | |
|--|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Học sinh nêu miệng ý a+ Các nước láng giềng của Việt Nam .+ Vùng biển của nước ta.+ Quần đảo của Việt Nam .+ 1 số đảo của Việt Nam .+ 1 số sông chính. <p>* Kết luận: Muốn tìm được các đối tượng địa lý, lịch sử trên bản đồ ta làm như thế nào?</p> | <ul style="list-style-type: none">- Lớp nhận xét - bổ sung.- T.Quốc, Lào, Cam-pu-chia.- Là một phần của biển đông.- Hoàng sa, Trường sa...- Phú Quốc, Côn Đảo, Cát bà ...- Sông Hồng, Sông Thái Bình, Sông Tiền, Sông Hậu... <p>* Đọc tên bản đồ, xem bảng chú giải, ký hiệu đối tượng địa lý, tìm đối tượng địa lý trên bản đồ.</p> |
|--|---|

Hoạt động 3: Luyện tập

* Mục tiêu: Hs có kỹ năng xem , chỉ bản đồ

* Cách tiến hành:

- | | |
|---|---|
| <ul style="list-style-type: none">- Gv treo bản đồ hành chính Việt Nam- Hs đọc tên bản đồ.- Cho học sinh chỉ các hướng trên bản đồ.- Tìm vị trí nơi em đang ở và nêu những tỉnh, TP giáp với tỉnh, TP mình. <p>* KL: Khi chỉ bản đồ cần chú ý điều gì về 1 khu vực? 1 địa điểm, 1 dòng sông?</p> | <ul style="list-style-type: none">- Học sinh quan sát- Lớp nhận xét - bổ sung.- Hs thực hiện.- Phải khoanh kín theo ranh giới của khu vực.- Chỉ địa điểm phải chỉ vào kí hiệu chứ không chỉ vào chữ ghi bên cạnh.- Chỉ 1 dòng sông phải chỉ từ đầu nguồn đến cửa sông. |
|---|---|

4. Củng cố dặn dò:

- Nêu các bước sử dụng bản đồ.
- NX giờ học.

Khoa học

Tiết 4: Các chất dinh dưỡng có trong thức ăn

Vai trò của chất bột đường

I. MỤC TIÊU:

- HSTB: Kể được các chất dinh dưỡng có trong thức ăn: chất bột đường, chất đạm, chất béo, vi-ta-min, chất khoáng.
- Kể tên những thức ăn chứa nhiều chất bột đường: gạo, bánh mì, khoai, ngô, sắn,...
- HSK: Nêu được vai trò của chất bột đường đối với cơ thể: cung cấp năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động và duy trì nhiệt độ cơ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: Hình SGK + phiếu học tập

HS: SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

- Kể tên các cơ quan thực hiện quá trình trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường?
Nêu vai trò của việc giữ gìn môi trường trong quá trình đó?

- Nhận xét .

3. Bài mới:

Hoạt động 1: Tập phân loại thức ăn.

+ Mục tiêu:

- HS biết sắp xếp các thức ăn hàng ngày vào nhóm thức ăn có nguồn gốc động vật hoặc nhóm thức ăn có nguồn gốc thực vật.

- Phân loại thức ăn đó dựa vào những chất dinh dưỡng có nhiều trong thức ăn.

- Người ta phân loại thức ăn bằng những cách nào?

- Đọc kết luận SGK T10

- Phân loại thức ăn theo nguồn gốc

- Phân loại thức ăn theo

lượng các chất dinh dưỡng.

Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của chất bột đường.

+ Mục tiêu: Nói tên và vai trò của những thức ăn chứa nhiều chất bột đường.

- HS đọc

+ Cách tiến hành:

- Cho h/s quan sát hình 11 SGK.

- HS thảo luận trả lời theo cặp.

- Gạo, sắn, ngô, khoai...

- Nêu tên những thức ăn giàu chất bột đường?

- Kể tên thức ăn chứa chất bột đường em ăn hàng ngày?

- HS tự nêu ý kiến.

- Kể tên những thức ăn chứa chất bột đường mà em thích ăn.

- HS nêu

+ Kết luận: Chất bột đường có vai trò gì? Nó thường có ở những loại thức ăn nào?

- Chất bột đường là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho cơ thể có nhiều ở gạo, bột mì ...

Hoạt động 3: Xác định nguồn gốc của các thức ăn chứa nhiều chất bột đường.

+ Mục tiêu: Nhận ra các thức ăn chứa nhiều chất bột đường đều có nguồn gốc từ thực vật.

+ Cách tiến hành:

- GV yêu cầu h/s làm việc theo nhóm.

- HS làm việc bảng lớp theo nhóm: Hoàn thành bảng thức ăn chứa bột đường.

VD: Gạo → Cây lúa

Ngô → Cây ngô

- Cho h/s trình bày tiếp sức.

+ Kết luận: Các thức ăn chứa nhiều chất bột đường có nguồn gốc từ đâu?

Bánh quy → Cây lúa mì
Mì sợi → Cây lúa mì
Bún → Cây lúa...
Đều có nguồn gốc từ thực vật.

4. Cũng cố dặn dò:

- Cần ăn uống và giữ vệ sinh môi trường thế nào?
- Nhận xét giờ học. Chuẩn bị bài sau:

Toán

Tuần 2 Tiết 10: Triệu và lớp triệu

I. MỤC TIÊU:

- Giúp HS: Biết về hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu và lớp triệu.
- Biết viết các số đến lớp.
- Cũng cố thêm về lớp đơn vị, lớp nghìn, lớp triệu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: Bảng phụ

HS : vở toan, bảng con

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức: Cho học sinh hát

2. Kiểm tra bài cũ:

- Chỉ các cs trong số 653 708 thuộc hàng nào, lớp nào?
- Lớp đơn vị gồm những hàng nào? Lớp nghìn gồm những hàng nào?

3. Bài mới:

a. Giới thiệu lớp triệu.

- | | |
|--|--|
| - Gv gọi 1 học sinh lên bảng viết số. | - Học sinh viết lần lượt |
| - Gv đọc : một nghìn, mười nghìn, một trăm nghìn, một triệu | 1000 ; 10 000 ; 100 000 ; 1 000 000 |
| - Gv giới thiệu mười trăm nghìn gọi là 1 triệu viết là: 1.000.000 | - Học sinh đọc số 1.000.000
(Một triệu) |
| - Đếm xem số 1 triệu có bao nhiêu số 0, số 1 triệu có tất cả bao nhiêu chữ số? | - Có 6 chữ số 0
- Có 7 chữ số |
| - Mười triệu còn gọi là 1 chục triệu. | - Học sinh viết bảng con số 10 000 000 |
| - Mười chục triệu còn gọi là một trăm triệu. | - Học sinh viết : 100 000 000 |
| - Vừa rồi các em biết thêm mấy hàng mới là những hàng nào? | - 3 hàng mới: Triệu, chục triệu, trăm triệu. |

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">- 3 hàng : Triệu, chục triệu, trăm triệuhợp thành lớp triệu.- Nêu các hàng, lớp đã học từ bé - lớnb. Luyện tập:Bài số 1: (13)- Gọi học sinh đọc yêu cầu- Đếm thêm từ 10 triệu đến 100 triệu.- Đếm thêm từ 100 triệu đến 900 triệuBài số 2: (13)- Học sinh đọc yêu cầu của BT
- Gv nhận xétBài số 3: (13) Cột 2- Mỗi số bên có bao nhiêu chữ số | <ul style="list-style-type: none">- Học sinh nhắc lại các hàng của lớp.- Học sinh nêu - lớp nhận xét bổ sung.
- Học sinh nêu miệng.-1 triệu, 2 triệu, 3 triệu, ... 10 triệu, 20 triệu,... 100 triệu.- 100T, 200T, ..., 900 triệu- Học sinh làm vào SGK- Học sinh nêu miệng10 000 000 ; 20 000 00030 000 000 ; 40 000 00050 000 000 □..1000 000- Lớp nhận xét- bổ sung- Học sinh làm bài vào vở.Mười lăm nghìn: 15 000Ba trăm năm mươi: 350Sáu trăm : 600Một nghìn ba trăm: 1300 |
|--|--|

4. Củng cố - dặn dò:

- Lớp triệu có mấy hàng là những hàng nào?

Luyện từ và câu

Tuần 2 Tiết 4: Dấu hai chấm

I. MỤC TIÊU:

1. Nhận biết tác dụng của dấu 2 chấm trong câu: Báo hiệu bộ phận đứng sau nó là lời nói của một nhân vật hoặc lời giải thích cho toàn bộ phần đứng trước.
2. Biết dùng dấu hai chấm khi viết văn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: - Viết sẵn ghi nhớ ra bảng phụ

HS : Đồ dùng học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. **Ổn định tổ chức:** Cho học sinh hát

2. **Kiểm tra bài cũ:**

- Gọi 2 Hs lên bảng chữa bài 1 , bài 4 tiết2
- GV nhận xét, đánh giá

3. **Bài mới:**

***Phân nhận xét.**

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Cho Hs đọc nối tiếp nhau bài 1.- Cho Hs đọc lần lượt từng câu và nêu tác dụng của dấu 2 chấm. | <ul style="list-style-type: none">- 3 Hs đọc bài tập 1- Câu a: Dấu 2 chấm báo hiệu sau lời nói của Bác Hồ, dùng kết hợp với dấu ngoặc |
|--|--|

- ở câu b dấu 2 chấm có tác dụng gì?
 - ở phần c dấu 2 chấm có tác dụng gì?
- ⇒ Dấu hai chấm có tác dụng gì?
- * **Luyện tập:**
- Bài số 1
- Cho Hs thảo luận nhóm 2
 - + Tác dụng của dấu hai chấm trong câu a.
- Câu b?
- Gv nhận xét - đánh giá
- Bài số 2:
- Cho Hs đọc y/ c của BT
 - Gv nhận xét chung

kép.

- Dấu 2 chấm báo hiệu sau lời nói của Đế Mèn, dùng kết hợp với dấu gạch đầu dòng.
 - Dấu : báo hiệu bộ phận đi sau là lời giải thích rõ những điều lạ.
- * Hs nêu ghi nhớ SGK

- Cho Hs thảo luận nhóm 2
- + Tác dụng của dấu hai chấm trong câu a.

-Dấu : (1) phối hợp với dấu gạch đầu dòng báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời nói của nhân vật "tôi" → người cha.

- Dấu : (2) phối hợp với dấu ngoặc kép báo hiệu phần sau câu hỏi của cô giáo.
+ Dấu : có t/d giải thích rõ BP đứng trước.

- Cho Hs đọc y/ c của BT
- Gv nhận xét chung

- Hs làm bài vào vở.
- Hs đọc đoạn văn và giải thích tác dụng của dấu hai chấm.

4. Củng cố - dặn dò:

- Dấu hai chấm có tác dụng gì?
- Nhận xét giờ học.
- Về tìm trong các bài đọc 3 trường hợp dùng dấu hai chấm, giải thích tác dụng của cách dùng đó.

Tập làm văn

Tuần 2 Tiết 4: Tả ngoại hình của nhân vật trong bài văn kể chuyện

I. MỤC TIÊU:

1. Giúp học sinh hiểu: Trong bài văn kể chuyện, việc tả ngoại hình của nhân vật là cần thiết để thể hiện tính cách nhân vật.
2. Biết dựa vào đặc điểm ngoại hình để xác định tính cách nhân vật và ý nghĩa truyện khi đọc truyện, tìm hiểu truyện.
3. Kể lại được một đoạn câu chuyện Nàng tiên ốc cổ kết hợp tả ngoại hình bà lão hoặc nàng tiên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

GV: Ghi sẵn các yêu cầu của BT1.

HS : Vở tập làm văn

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. **Ổn định tổ chức:** Cho học sinh hát
2. **Kiểm tra bài cũ:**
 - Khi kể chuyện cần chú ý đến những gì?

- Trong bài học trước em đã biết tính cách của nhân vật thường biểu hiện qua những phương diện nào?

3. **Bài mới:** Giới thiệu bài: GV nêu đầu bài ghi bảng

*** Phân nhận xét:**

- Gv cho Hs đọc bài tập 1, 2, 3.

- Gv yêu cầu Hs ghi vắn tắt: đặc điểm ngoại hình của chị Nhà Trò đến tính cách và thân phận của nhân vật này?

- Ngoại hình của Nhà Trò thể hiện tính cách như thế nào?

*** Ghi nhớ:**

Cho Hs đọc ghi nhớ trong SGK

***Luyện tập:**

Bài số 1:

- Cho Hs đọc yêu cầu

- Gv yêu cầu Hs dùng bút chì gạch dưới những chi tiết miêu tả hình dáng chú bé liên lạc

- Cho Hs nêu miệng từng chi tiết thể hiện tính cách của nhân vật.

Bài số 2: Yêu cầu hs kể 1 đoạn.

- Gv hướng dẫn Hs có thể tả ngoại hình của nhân vật nàng tiên ở chi tiết bà lão rình xem.

- Hoặc tả ngoại hình của con ốc.

4. **Củng cố - dặn dò:**

- Muốn tả ngoại hình của nhân vật, cần chú ý tả những gì?

- Nhận xét giờ học. Về nhà học thuộc ghi nhớ

- 3 Hs đọc nối tiếp nhau.

Lớp đọc thầm đoạn văn

- Hs ghi vào SGK

- Sức vóc: Gầy yếu, bự những phần như mới lột

- Cánh mỏng như cánh bươm non ngắn chùn chùn, rất yếu, chưa quen

- Trang phục: Mặc áo thân dài, đôi chõ chấm điểm vàng.

- Yếu đuối, thân phận tội nghiệp, đáng thương, dễ bị bắt nạt.

- 3 đến 4 Hs

- Lớp đọc thầm đoạn văn.

- 1 Hs lên bảng gạch.

- Người gầy, tóc húi ngắn, hai túi áo trễ xuống tận đùi, quần ngắn tới đầu gối, đôi bắp chân nhỏ luôn luôn động đậy, đôi mắt sáng và xéch.

- Chú bé là con gđ 1 nông dân nghèo, quen chịu đựng vất vả.

- Túi áo trễ đến đựng rất nhiều thứ

VD: đồ chơi, lựu đạn khi đi liên lạc.

- Mắt nhanh nhẹn, thông minh, hiếu động..

- Hs đọc nội dung yêu cầu của BT.

- Nàng tiên đẹp làm sao, khuôn mặt tròn trắng và dịu dàng như trăng rằm, mặc váy xanh dài tha thướt, đi lại nhẹ nhàng, đôi tay mềm mại.

- Lớp nhận xét ý kiến trình bày của các bạn

Sinh hoạt

Tuần 2: Tiết 2: Sơ kết hoạt động tuần 2

I. MỤC TIÊU: GVCN giúp HS và tập thể lớp:

- Thấy được các ưu điểm tồn tại của các hoạt động trong tuần .
- Biết thảo luận tìm ra biện pháp, phương hướng khắc phục những hạn chế, khó khăn và tồn tại nhằm xây dựng tập thể đoàn kết, tự quản.

II. CHUẨN BỊ:

- CTHĐTQ và các ban tổng hợp sơ kết tuần.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức:

Văn nghệ tổ đầu giờ 3 tổ / 3 tiết mục ..

2. Kiểm tra bài cũ:

Xem xét sự chuẩn bị của HS .

- GV và tập thể lớp kiểm tra sự tiến bộ của các trường hợp vi phạm tuần trước.
- GV động viên kịp thời các HS có tiến bộ

3. Tiến hành buổi sơ kết:

- a) CTHĐTQ điều khiển cho các ban báo cáo hoạt động của ban trong tuần.
 - Tập thể lớp góp ý bổ sung cho các ban tự quản.
- b) Lớp nghe CTHĐTQ báo cáo sơ kết tuần của lớp và thống nhất đề nghị tuyên dương nhắc nhở trước cờ (nếu có)

Nội dung sơ kết hoạt động tuần 2

1. Học tập:

- Ưu điểm:

- Tồn tại:

2. Năng lực:

- Ưu điểm:

- Tồn tại:

3. Phẩm chất:

- Ưu điểm:

- Tồn tại:

4. Nề nếp:

- Chuyên cần : vắngb/tuần CP..... KP

- Các hoạt động ban tự quản:

- Hoạt động giữa buổi Thể dục, múa - vệ sinh

Đề nghị

- Tuyên dương:.....

- Nhắc nhở:

.....

4. Phương hướng - Dặn dò:

- Lớp thảo luận, thống nhất phương hướng cho tuần sau và giúp bạn vượt khó.
- * GVCN: Đánh giá nhận xét chung về các hoạt động trong tuần của lớp.
- * Biểu dương, khen ngợi (nếu có) trước lớp và rút kinh nghiệm tự quản của lớp